

Số 25/2018/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 12 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 3719/TTr-UBND, ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 với nội dung sau:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

1.1. Các chỉ tiêu về kinh tế

a) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng trên 7,0%, trong đó:

- Nông, lâm, ngư nghiệp tăng trên 3,0%;
- Công nghiệp, xây dựng tăng trên 9,5%;
- Dịch vụ tăng trên 8,0%;
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 2,6%.

b) GRDP bình quân đầu người 28,6 triệu đồng.

c) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 275,4 ngàn tấn; giá trị sản phẩm trồng trọt, nuôi trồng thủy sản trên 1 đơn vị diện tích (ha) đạt trên 39 triệu đồng.

d) Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua địa bàn (bao gồm cả giá trị hàng hóa giám sát) đạt 2.200 triệu USD. Trong đó: kim ngạch xuất khẩu đăng ký tại địa bàn

đạt 550 triệu USD; kim ngạch nhập khẩu đăng ký tại địa bàn đạt 150 triệu USD, giá trị hàng hóa giám sát đạt: 1.500 triệu USD.

đ) Thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 1.500 tỷ đồng, trong đó: thu nội địa 1.350 tỷ đồng; thu xuất nhập khẩu 150 tỷ đồng.

e) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng khoảng 6% so với ước thực hiện 2018.

1.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội

a) Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học; mỗi huyện, thành phố tăng thêm ít nhất 01 trường chuẩn quốc gia.

b) Mức giảm tỷ suất sinh 0,08‰, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,88%.

c) Có 15 bác sỹ/vạn dân; 85,9% trạm y tế xã có bác sỹ; tăng thêm 09 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã; xây dựng 05 trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 97,2%.

d) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cuối năm 2019 còn dưới 18,2%.

đ) Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa 84%; tỷ lệ làng, xóm, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa 54%; số cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa 94%; tỷ lệ xóm có nhà văn hóa 78,3%.

e) Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3% trở lên.

g) Tỷ lệ lao động qua đào tạo 40%, trong đó đào tạo nghề 31,5%; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 3,8%.

h) Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới đạt 05 xã trở lên.

1.3. Các chỉ tiêu về môi trường

a) Tỷ lệ che phủ rừng 54,7%.

b) Phần đầu có trên 87% dân cư thành thị được dùng nước sạch; trên 89% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

c) Phần đầu 10% số hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà so với năm 2015 (2.578 hộ).

2. Những giải pháp chủ yếu:

2.1. Nông, lâm, ngư nghiệp

Tổ chức triển khai thực hiện tốt Chương trình số 08-CTr/TU của Tỉnh ủy về tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 695/QĐ-UBND, ngày 19/5/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 2399/KH-BCĐ, ngày 29/8/2016 của Ban chỉ đạo về thực hiện Chương trình tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Đẩy mạnh triển khai các đề án tái cơ cấu nông nghiệp, 06 Đề án phát triển ngành nông, lâm nghiệp đã được phê duyệt.

Tiếp tục hướng dẫn tạo điều kiện thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp công nghệ cao, nông

nghiệp hữu cơ, nhất là việc tiếp cận dễ dàng hơn với các nguồn vốn vay ưu đãi; tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn với sức khỏe người tiêu dùng, có thương hiệu, trước mắt phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân và nhu cầu tiêu thụ của khách du lịch khi đến thăm quan tại tỉnh. Trong đó chú trọng đến công tác hỗ trợ về điều kiện thu hoạch, giá bán, công nghệ chế biến, mẫu mã bao bì sản phẩm, thị trường tiêu thụ đối với các loại các loại cây, con đặc sản của địa phương, gia tăng giá trị vào tăng trưởng chung của ngành nông nghiệp.

Tập trung chỉ đạo gieo trồng hết diện tích, chăm sóc, bảo vệ để nâng cao năng suất, sản lượng. Cung ứng kịp thời đầy đủ vật tư nông nghiệp như: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, các loại giống mới cho sản xuất. Làm tốt công tác phòng trừ dịch bệnh gia súc, gia cầm, đặc biệt là các bệnh nguy hiểm như: dịch tai xanh ở lợn, cúm gia cầm, lở mồm, long móng gia súc; phòng, chống rét và chủ động thức ăn cho đàn gia súc, gia cầm trong mùa đông. Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch nội địa và cửa khẩu.

Tổ chức thực hiện đồng bộ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, của tỉnh về lĩnh vực lâm nghiệp. Đẩy mạnh công tác bảo vệ, phòng chống cháy rừng, ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép; kịp thời cung ứng giống để trồng rừng theo dự án và trồng cây phân tán; chỉ đạo sản xuất cây giống cho trồng rừng. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đầu tư trồng rừng sản xuất theo phương thức thâm canh và hiệu quả.

Tiếp tục hỗ trợ các hộ chăn nuôi đưa gia súc ra khỏi gầm sàn nhà; đẩy nhanh công tác di dân, sắp xếp ổn định dân cư biên giới và nội địa nông thôn. Tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành đặc biệt là trách nhiệm của mỗi người dân trong từng nội dung xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

2.2. Công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải

Tập trung nắm tình hình và thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp để ổn định sản xuất. Trong đó, tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp chủ động xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh, tìm kiếm và phát triển thị trường; coi trọng việc xây dựng và đăng ký nhãn mác cho các thương hiệu sản phẩm, khắc phục khó khăn, huy động mọi nguồn lực để đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Tiếp tục tăng cường đôn đốc các doanh nghiệp, chủ đầu tư, chủ thầu đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được cấp phép đầu tư, nhất là các dự án lớn về giao thông và thủy điện; thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ với các cơ quan nhà nước và xã hội.

Thực hiện nghiêm túc công tác cấp giấy phép xây dựng công trình, thẩm định dự án, thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình, thẩm định thiết kế - dự toán, kiểm tra nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đảm bảo đúng quy trình; nâng cao chất lượng quy hoạch; hoàn thiện quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị trên địa bàn tỉnh; đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án thuộc

Chương trình phát triển các đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Triển khai thực hiện Đồ án quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Cao Bằng đến năm 2025.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình số 09-CTr/TU của Tỉnh ủy về phát triển hạ tầng giao thông giai đoạn 2016 - 2020. Bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ, khắc phục kịp thời, đảm bảo giao thông thông suốt trên các tuyến đường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trên các tuyến đường bộ; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trong dịp Lễ, Tết phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình dự án giao thông trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung các nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư, nhất là các dự án lớn như: đường phía Nam khu đô thị mới; dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường phía Nam khu đô thị mới; dự án đường 208; dự án kiên cố hóa trường lớp học; các dự án sử dụng vốn ODA... Tiếp tục triển khai các dự án theo hình thức đối tác công tư. Kịp thời giải quyết các vướng mắc, khó khăn và đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết chuyển chủ đầu tư hoặc chuyển vốn đầu tư đối với các chủ đầu tư yếu kém, không đáp ứng tiến độ giải ngân đề ra. Tập trung kêu gọi các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư vào các dự án, lĩnh vực có thế mạnh của tỉnh.

2.3. Dịch vụ

Khuyến khích phát triển các loại hình thương mại; triển khai quy hoạch phát triển ngành thương mại, thương mại biên giới để kêu gọi, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư. Quan tâm công tác điều tra, dự báo xu hướng thị trường trong và ngoài tỉnh theo hướng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa thông suốt, bảo đảm cân đối cung cầu, giá cả hợp lý, đủ sức cạnh tranh. Nghiên cứu phát triển thị trường trong tỉnh trong mối quan hệ chặt chẽ với nhu cầu và xu hướng phát triển thị trường trong vùng, cả nước và quốc tế.

Khai thác tốt các lợi thế về phát triển kinh tế cửa khẩu, trong đó khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa; chú trọng hình thành những mặt hàng chủ lực dựa trên tiềm năng thế mạnh sẵn có của địa phương, thúc đẩy xuất khẩu. Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu kinh tế cửa khẩu nhất là các hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác đối ngoại, phát triển kinh tế đối ngoại, kết nối giao thông, giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội. Triển khai các biên bản cấp tỉnh, cấp huyện đã ký kết với Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), nâng cao chất lượng hợp tác ngày càng đi vào thực chất và bền vững.

Triển khai hiệu quả Nghị Quyết 92/NĐ-CP, ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch trong tình hình mới; Chương trình phát triển du lịch giai đoạn 2016 - 2020 của Tỉnh ủy. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch, kết hợp với xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Đẩy mạnh quảng bá danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng. Xây dựng thương hiệu và các sản phẩm du lịch,

tạo ra nhiều sản phẩm độc đáo, đặc trưng của địa phương; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn lực du lịch đến 2030.

2.4. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, định hướng và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã

Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Quy hoạch, chuẩn bị lập quy hoạch tỉnh Cao Bằng; đảm bảo giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công năm 2019 theo quy định của pháp luật; đề ra các giải pháp để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019; tổ chức thực hiện kế hoạch hành động của tỉnh về thực hiện Chương trình nghị sự đến 2030 vì sự phát triển bền vững; triển khai thực hiện kế hoạch tăng trưởng xanh.

Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi, giải quyết nhanh nhất việc đăng ký kinh doanh, đăng ký chứng nhận đầu tư các dự án của các doanh nghiệp. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giải quyết nhanh chóng, kịp thời các thủ tục phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và người dân; thực hiện các Nghị quyết, chương trình của Trung ương, Đề án, kế hoạch của Tỉnh về cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tiếp tục triển khai chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ngành, huyện, thành phố (DDCI) tỉnh Cao Bằng năm 2019.

2.5. Công tác quản lý ngân sách, tài chính và tín dụng

Tập trung triển khai ngay từ đầu năm nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn theo dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; rà soát nắm chắc các đối tượng thuộc diện nộp thuế mới phát sinh đưa vào quản lý theo đúng quy định của pháp luật; chỉ đạo và thực hiện triệt để khai thác các nguồn thu chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế nhằm thu ngân sách đạt kết quả cao nhất; kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định, tiết kiệm, hiệu quả; tăng cường chỉ đạo và đưa ra các giải pháp giải ngân vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch đề ra đúng tiến độ. Thực hiện dự toán chi thường xuyên đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách địa phương giành nguồn cho đầu tư phát triển phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực thu chi ngân sách; tiếp tục thực hiện áp dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. Chủ động cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn để đảm bảo thanh khoản, ổn định lãi suất huy động; tăng cường công tác thẩm định, giám sát việc sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích, hạn chế nợ xấu phát sinh. Tăng cường huy động các nguồn vốn trên địa bàn và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vay vốn để phát triển. Triển khai đầy đủ và có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội, hỗ trợ vốn cho các đối tượng chính sách sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo.

2.6. Văn hóa, xã hội

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 09 Ban chấp hành TW Đảng (khóa XI) "về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu

phát triển bền vững đất nước". Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao gắn với cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Thực hiện Đề án phát triển văn hóa nông thôn tỉnh Cao Bằng; đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa các nguồn lực nhằm phát triển lĩnh vực thể dục thể thao.

Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non; tiếp tục đổi mới hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ; đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất, tinh thần cho trẻ. Thực hiện hỗ trợ các bậc cha mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi. Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; Quan tâm trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, đảm bảo thực hiện quyền trẻ em. Tiếp tục rà soát mạng lưới trường lớp học đảm bảo phù hợp, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý các cấp; đẩy mạnh thực hiện các giải pháp phân luồng sau THCS, tăng quy mô THPT hợp lý ở những nơi có đủ điều kiện. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phát triển khả năng sáng tạo, tự học. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục các cấp học. Tiếp tục củng cố hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, mở rộng hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú. Có kế hoạch hỗ trợ các trường phổ thông dân tộc bán trú, lớp bán trú dân nuôi ở các xã, cụm xã.

Tăng cường công tác truyền thông, cung cấp thông tin y tế, thực hiện đồng bộ có hiệu quả các dự án, chương trình mục tiêu y tế - dân số và chương trình y tế khác. Xây dựng kế hoạch, có các giải pháp cụ thể để giảm bền vững tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi, dưới 5 tuổi, tỷ suất chết mẹ. Có các giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế. Đảm bảo cung ứng thuốc thường xuyên có chất lượng đáp ứng nhu cầu chữa bệnh cho nhân dân. Quản lý và sử dụng thuốc đúng qui chế, an toàn, hợp lý và hiệu quả. Ưu tiên thuốc thiết yếu, thuốc sản xuất trong nước, thuốc y học cổ truyền của các nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP-GLP-GSP-GDP.

Tổ chức tuyên truyền phổ biến chính sách hỗ trợ tạo việc làm và xuất khẩu lao động. Chủ động nắm bắt thông tin thị trường lao động trong nước, ngoài nước để nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin thị trường lao động; kết nối thông tin thị trường lao động của tỉnh với các tỉnh bạn và chú trọng với các tỉnh đã ký kết cung ứng lao động, giới thiệu việc làm; tổ chức các hoạt động giao dịch việc làm; nắm tình hình việc làm và thu nhập của người lao động tỉnh Cao Bằng đang làm việc tại các doanh nghiệp để tiếp tục định hướng, tuyên truyền cho người lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp trong nước nhằm giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp của tỉnh. Theo dõi, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện chế độ, chính sách pháp luật về ký kết hợp đồng lao động, ký kết thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế trả lương, trả thưởng, chính sách lao động nữ; bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự

nguyên theo quy định. Tổ chức giám sát đánh giá công tác giảm nghèo và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định; tổ chức thực hiện công tác xây dựng và nhân rộng các mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các huyện, thành phố triển khai thực hiện quản lý, điều tra, rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định làm cơ sở cho việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

2.7. Khoa học và công nghệ

Tăng cường tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc dự báo, hoạch định chính sách về khoa học công nghệ. Từng bước nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, năng lực sáng tạo và đổi mới công nghệ; tăng cường ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học và công nghệ trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ. Tập trung xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chương trình xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, ưu tiên triển khai các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác với tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Đẩy mạnh triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 thay thế TCVN ISO 9001:2008 vào các cơ quan hành chính của tỉnh.

2.8. Thông tin và Truyền thông

Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản đảm bảo phát triển báo chí xuất bản, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử theo đúng tôn chỉ, mục đích phục vụ công tác lãnh, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền; tuyên truyền, đưa tin về tình hình chính trị, kinh tế xã hội của đất nước của tỉnh, nhất là các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2019. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động báo chí xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở để ngày càng phục vụ tốt hơn nhu cầu hưởng thụ thông tin, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước. Chú trọng hạ tầng an toàn thông tin song song với việc triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin; xây dựng hạ tầng viễn thông làm nền tảng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo cung cấp dịch vụ viễn thông phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước ổn định, an toàn và bảo mật. Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới hệ thống quản lý, khai thác đầu tư phát triển mạng chuyển phát; đảm bảo cung cấp dịch vụ viễn thông phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước ổn định, an toàn và bảo mật.

2.9. Công tác Dân tộc

Tăng cường vai trò của cấp ủy, chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc vận động đồng bào dân tộc thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc. Tiếp tục tổ chức, triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình 135, Chương trình 30a; chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn; chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Thường xuyên cấp phát

ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động quần chúng trong việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và tài nguyên rừng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.10. Công tác Nội vụ, thanh tra, tư pháp, thi hành án dân sự

Tổ chức triển khai các Đề án thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XII trên địa bàn toàn tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy đối với cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện; sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc hệ thống hành chính nhà nước; sáp nhập, thành lập xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; sắp xếp, kiện toàn đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở xóm, tổ dân phố, đảm bảo kế hoạch, lộ trình thực hiện theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả biên chế trong các cơ quan hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện công tác tuyển dụng công chức, viên chức; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo kế hoạch, đúng quy định của pháp luật; tiếp tục nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính; tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cải cách hành chính, nhất là việc giải quyết các thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp; kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương đối với đội ngũ cán bộ, công chức các cấp. Hoàn thành nhiệm vụ đào tạo theo Đề án 09/ĐA-TU của Tỉnh ủy và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm 2019.

Phát động phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng năm 2018 của Cụm 7 tỉnh miền núi biên giới phía Bắc; Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh và các ngành phát động.

Đẩy mạnh thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành năm 2019 theo kế hoạch; thanh tra có trọng tâm, trọng điểm các vấn đề bức xúc; nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng; giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp, kéo dài; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thấp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhân dân; tăng cường vận động, thuyết phục công dân chấp hành pháp luật và các quyết định giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tập trung triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả, chất lượng công tác tư pháp; thực hiện tốt Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, đưa công tác ban hành văn bản đi vào nề nếp, thống nhất, đồng bộ, đảm bảo hợp hiến, hợp pháp và khả thi; thực hiện tốt việc kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp giai đoạn 2016 - 2020; thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

2.11. Quốc phòng, an ninh

Tiếp tục thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, giữ vững chủ quyền quốc gia và biên giới lãnh thổ. Duy trì thực hiện tốt quy chế phối hợp các lực lượng theo Nghị định 77/2010/NĐ-CP của Chính phủ ở các cấp. Tăng cường tuyên truyền, quán triệt và thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn, quy định của các cấp về an ninh - quốc phòng; thực hiện có hiệu quả Biên bản thoả thuận về biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc; tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ các huyện theo kế hoạch; tiếp tục chỉ đạo các lực lượng chức năng chủ động nắm chắc tình hình và triển khai các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ an toàn các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước và các đoàn khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Cao Bằng; chỉ đạo thực hiện các đợt cao điểm tấn công trấn áp, truy nã tội phạm; triệt phá các ổ nhóm tội phạm, từng bước kiềm chế làm giảm các loại tội phạm. Tiếp tục triển khai các giải pháp, kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy.

2.12. Công tác đối ngoại, phát triển kinh tế đối ngoại

Tiếp tục triển khai đồng bộ giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân; kết hợp linh hoạt giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa. Thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 2016 - 2020, trong đó tập trung xây dựng các chương trình xúc tiến, mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức, địa phương trong nước và quốc tế; triển khai các Biên bản đã ký kết với các địa phương, tổ chức ngoài nước, nhất là với các địa phương của Trung Quốc; phối hợp và giải quyết tốt các vấn đề phát sinh trên biên giới theo đúng hiệp định và biên bản ghi nhớ. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào, công tác đối ngoại theo quy định. Rà soát tình hình đường biên mốc giới trên thực hiện và kết quả 10 năm triển khai thực hiện 03 văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc chuẩn bị cho Kiểm tra liên hợp biên giới lần thứ nhất. Quản lý tốt hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Cao Bằng. Tiếp tục xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh nhiệm vụ và giải pháp đột phá là: Khai thác và phát huy tối đa 08 lợi thế của tỉnh; Tập trung tháo gỡ 03 điểm nghẽn về kết cấu hạ tầng, biên mậu, du lịch đặc biệt hạ tầng giao thông, về chất lượng nguồn nhân lực và về thể chế, cơ chế của tỉnh; Huy động các nguồn lực thực hiện 03 đột phá chiến lược:

(1)- Phát triển mạnh ngành du lịch theo hướng bền vững, lấy màu xanh của thiên nhiên, các cảnh quan kỳ vĩ còn được bảo tồn nguyên vẹn, lấy các giá trị lịch sử, văn hóa, bản sắc dân tộc, truyền thống cách mạng là giá trị cốt lõi, là yếu tố khác biệt để định vị các sản phẩm du lịch mà không địa phương nào có được.

(2)- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, xây dựng chỉ dẫn địa lý; bảo đảm an ninh lương thực tại chỗ, bảo đảm sinh kế bền vững từ nông nghiệp cho người nông dân, thực hiện mô hình kết hợp du lịch xanh - nông nghiệp xanh. Tập trung quy hoạch, định hướng liên kết vùng để từng bước tiến tới sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn phục vụ xuất khẩu.

(3) Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, du lịch và cửa khẩu. Đầu tư, nâng cấp cửa khẩu Trà Lĩnh thành cửa khẩu quốc tế, xây dựng Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc); triển khai tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng), trước mắt là đầu tư hoàn thành tuyến cao tốc từ Tân Thanh (Lạng Sơn) đến thành phố Cao Bằng trong giai đoạn 2019 - 2022 để tạo động lực phát triển kinh tế. Xây dựng Khu du lịch thác Bản Giốc trở thành Khu du lịch trọng điểm, kiểu mẫu về du lịch biên giới, du lịch xanh, du lịch thông minh cũng như là hình mẫu trong quan hệ hợp tác với nước bạn Trung Quốc.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVI, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2018./. *vt*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đàm Văn Eng